

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
		II. NỘI KHOA
		A. HÔ HẤP
1	2_7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
2	2_8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
3	2_9	Chọc dò dịch màng phổi
4	2_10	Chọc tháo dịch màng phổi
5	2_11	Chọc hút khí màng phổi
6	2_12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
7	2_13	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
8	2_16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP
9	2_24	Đo chức năng hô hấp
10	2_26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục/24h
11	2_28	Kỹ thuật ho có điều khiển
12	2_29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
13	2_30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
14	2_31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
15	2_32	Khí dung thuốc giãn phế quản
16	2_60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
17	2_61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
		B. TIM MẠCH
18	2_69	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch
19	2_71	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm
20	2_74	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim
21	2_75	Chọc dò màng ngoài tim
22	2_76	Dẫn lưu màng ngoài tim
23	2_77	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim
24	2_78	Đặt filter lọc máu tĩnh mạch chủ
25	2_80	Đặt stent ống động mạch
26	2_85	Điện tim thường
27	2_95	Holter điện tâm đồ
28	2_96	Holter huyết áp
29	2_97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
30	2_98	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp
31	2_100	Lập trình máy tạo nhịp tim
32	2_101	Nong và đặt stent động mạch vành
33	2_102	Nong và đặt stent các động mạch ngoại biên
34	2_103	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue
35	2_106	Nong van động mạch phổi
36	2_109	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
37	2_111	Nghiệm pháp atropin
38	2_112	Siêu âm Doppler mạch máu
39	2_113	Siêu âm Doppler tim
40	2_114	Siêu âm tim gắng sức (thảm chạy, thuốc)
41	2_115	Siêu âm tim cân âm
42	2_117	Siêu âm tim qua thực quản
43	2_120	Sốc điện điều trị rung nhĩ
44	2_121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh
45	2_125	Thông tim chân đoán
46	2_126	Thông tim và chụp buồng tim cân quang
		C. THẦN KINH
47	2_128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
48	2_129	Chọc dò dịch não tủy
49	2_130	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng
50	2_131	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối
51	2_140	Điều trị trạng thái động kinh
52	2_145	Ghi điện não thường quy
53	2_149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
54	2_150	Hút đờm hầu họng
55	2_152	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
56	2_157	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường
57	2_158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc
58	2_163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
59	2_164	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường
60	2_165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường
61	2_166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)
		D. THẬN TIẾT NIỆU
62	2_167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần
63	2_168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần
64	2_169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu
65	2_170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu
66	2_171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu
67	2_172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ
68	2_173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm
69	2_174	Chọc hút dịch nang thận có tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm
70	2_175	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm
71	2_176	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm
72	2_178	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản
73	2_180	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm
74	2_183	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu
75	2_184	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu
76	2_185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu
77	2_186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu
78	2_187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu
79	2_188	Đặt sonde bàng quang
80	2_190	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)
81	2_191	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu
82	2_201	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)
83	2_209	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thẩm tách siêu lọc máu (HDF-Online))
84	2_210	Nong hẹp niệu quản qua da dưới hướng dẫn của màng tăng sáng
85	2_211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái
86	2_212	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)
87	2_214	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể
88	2_215	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm
89	2_216	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang
90	2_218	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục
91	2_220	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)
92	2_221	Nội soi bàng quang
93	2_222	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi
94	2_223	Nối thông động- tĩnh mạch
95	2_227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da
96	2_228	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận
97	2_229	Rút sonde jj qua đường nội soi bàng quang
98	2_230	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang
99	2_231	Rút catheter đường hầm
100	2_233	Rửa bàng quang
101	2_234	Siêu lọc máu chậm liên tục (SCUF)
102	2_235	Siêu lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích
103	2_236	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn của siêu âm
104	2_238	Tán sỏi ngoài cơ thể định vị bằng X quang hoặc siêu âm
		D. TIÊU HÓA
105	2_241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
106	2_242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
107	2_243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
108	2_246	Đặt ống thông mũi mật
109	2_252	Mở thông dạ dày bằng nội soi
110	2_253	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
111	2_254	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê
112	2_255	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi
113	2_256	Nội soi trực tràng ống mềm
114	2_257	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu
115	2_258	Nội soi trực tràng ống cứng
116	2_259	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết
117	2_260	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê
118	2_261	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê
119	2_262	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết
120	2_264	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản
121	2_265	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su
122	2_268	Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa
123	2_271	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu
124	2_272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori
125	2_273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ
126	2_274	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - nong đường mật bằng bóng
127	2_275	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - lấy sỏi, giun đường mật
128	2_285	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu
129	2_287	Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm
130	2_288	Nội soi ổ bụng
131	2_289	Nội soi ổ bụng có sinh thiết
132	2_290	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa
133	2_293	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết
134	2_294	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu
135	2_295	Nội soi can thiệp - cắt I polyp ống tiêu hóa < 1cm
136	2_296	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp
137	2_297	Nội soi hậu môn ống cứng
138	2_298	Nội soi can thiệp - tiêm Histoacryl búi giãn tĩnh mạch phình vị
139	2_299	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng dải tần hẹp (NBI)
140	2_300	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBI)
141	2_301	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng độ phân giải cao (HDTV)
142	2_302	Nội soi đại trực tràng toàn bộ độ phân giải cao (HDTV)
143	2_304	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết
144	2_305	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
145	2_306	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết
146	2_307	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết
147	2_308	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết
148	2_309	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết
149	2_336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân
150	2_337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
151	2_338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
152	2_339	Thụt tháo phân
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP
153	2_340	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ
154	2_342	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ
155	2_343	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
156	2_344	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm
157	2_345	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm
158	2_347	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm
159	2_349	Hút dịch khớp gối
160	2_350	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
161	2_351	Hút dịch khớp háng
162	2_352	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
163	2_353	Hút dịch khớp khuỷu
164	2_354	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
165	2_355	Hút dịch khớp cổ chân
166	2_356	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
167	2_357	Hút dịch khớp cổ tay
168	2_358	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
169	2_359	Hút dịch khớp vai
170	2_360	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
171	2_361	Hút nang bao hoạt dịch
172	2_362	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
173	2_363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
174	2_364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
175	2_365	Nội soi khớp gối chẩn đoán (có sinh thiết)
176	2_366	Nội soi khớp gối điều trị rửa khớp
177	2_367	Nội soi khớp gối điều trị bào khớp
178	2_368	Nội soi khớp gối điều trị nội soi kết hợp mở tối thiểu ổ khớp lấy dị vật
179	2_369	Nội soi khớp vai chẩn đoán (có sinh thiết)
180	2_370	Nội soi khớp vai điều trị rửa khớp
181	2_371	Nội soi khớp vai điều trị bào khớp
182	2_372	Nội soi khớp vai điều trị lấy dị vật
183	2_373	Siêu âm khớp (một vị trí)
184	2_374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)
185	2_381	Tiêm khớp gối
186	2_382	Tiêm khớp háng
187	2_383	Tiêm khớp cổ chân
188	2_384	Tiêm khớp bàn ngón chân
189	2_385	Tiêm khớp cổ tay
190	2_386	Tiêm khớp bàn ngón tay
191	2_387	Tiêm khớp đốt ngón tay
192	2_388	Tiêm khớp khuỷu tay
193	2_389	Tiêm khớp vai
194	2_390	Tiêm khớp ức đòn
195	2_391	Tiêm khớp ức - sườn
196	2_392	Tiêm khớp đòn- cùng vai
197	2_394	Tiêm ngoài màng cứng
198	2_395	Tiêm khớp cùng chậu
199	2_396	Tiêm điểm bám gân móm trâm quay (móm trâm trụ)
200	2_397	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay
201	2_398	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối
202	2_399	Tiêm hội chứng DeQuervain
203	2_400	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay
204	2_401	Tiêm gân gấp ngón tay
205	2_402	Tiêm gân nhị đầu khớp vai
206	2_403	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
207	2_404	Tiêm điểm bám gân móm cùng vai
208	2_405	Tiêm điểm bám gân móm trâm quay (trâm trụ)
209	2_406	Tiêm gân gót
210	2_407	Tiêm cân gan chân
211	2_411	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
212	2_412	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
213	2_413	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
214	2_414	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm
215	2_415	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
216	2_416	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
217	2_417	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
218	2_418	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm
219	2_419	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
220	2_420	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm
221	2_421	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm
222	2_422	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
223	2_424	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm
224	2_425	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
225	2_426	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
226	2_427	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
227	2_428	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm

STT	Mã KT	DANH MỤC KỸ THUẬT
		G. HỒ HẤP
228	2_432	Chọc hút màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
		H. TIM MẠCH
229	2_439	Đo phân suất dự trữ lưu lượng vành (FFR)
230	2_440	Hút huyết khối trong động mạch vành
231	2_442	Nong và đặt stent động mạch thận
232	2_447	Siêu âm Doppler màu tim qua thành ngực trong tim mạch can thiệp
233	2_448	Siêu âm Doppler màu tim qua thực quản trong tim mạch can thiệp
234	2_452	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 1 buồng
235	2_453	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 2 buồng
236	2_457	Siêu âm Doppler màu tim gắng sức với Dobutamine
237	2_460	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim dưới màn huỳnh quang
238	2_464	Thay máy tạo nhịp tim, cập nhật máy tạo nhịp tim
239	2_465	Bít thông liên nhĩ bằng dụng cụ qua da
240	2_467	Bít ống động mạch bằng dụng cụ qua da
		K. THẬN TIẾT NIỆU
241	2_480	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu
242	2_481	Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu
243	2_482	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm ở bệnh nhân sau ghép thận
244	2_483	Rút sonde dẫn lưu ổ thận ghép qua da
245	2_484	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê
246	2_485	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng
247	2_486	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê
248	2_487	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm có gây mê
249	2_488	Nội soi bàng quang lấy sỏi, dị vật có gây mê
250	2_491	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang có gây mê
251	2_492	Nội soi bàng quang có gây mê
252	2_493	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang có gây mê
253	2_494	Rút sonde Modelage qua đường nội soi bàng quang có gây mê
		L. TIÊU HÓA
254	2_504	Siêu âm can thiệp - đặt dẫn lưu đường mật qua da
255	2_506	Đặt dẫn lưu đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C-ARM
256	2_507	Đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C-ARM
		M. CƠ XƯƠNG KHỚP
257	2_508	Thay băng vết loét do vỡ hạt tophy
258	2_510	Tiêm nội khớp: acid Hyaluronic
259	2_519	Sinh thiết phần mềm bằng phương pháp sinh thiết mở